TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 3 – 2025
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ÔngCao Văn Chuộng.

2. Bà Lê Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1960. (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1962. (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông và Bà Phan Thị B tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 1994 có tổ chức đám cưới tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn ông và bà B sống bên gia đình ông hạnh phúc một thời gian đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, cảm thấy hôn nhân

không mang lại hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông và Bà Phan Thị B là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị H (nữ), sinh ngày 20/6/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là Bà Phan Thị B trình bày như sau:

Bà và Ông Bùi Văn Đ quen biết và tìm hiểu nhau đến năm 1994 thì tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và ông Đ thường xuyên cự cải nhau, bà và ông Đ cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không hạnh phúc. Đối với yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đ là vợ chồng thì bà đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị H (nữ), sinh ngày 20/6/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Văn Đ đối với Bà Phan Thị B về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà B; Về con chung; Có 01 (một) con chung là Phan Thị H (nữ), sinh ngày 20/6/1995 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Văn Đ và Bà Phan Thị B chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay phát sinh mâu thuẫn nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà B. Bà B có địa chỉ cư trú ở ấp 1, xã A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Đ và bà B tự nguyện tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông Đ và bà B phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải với nhau, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên ông Đ và bà B thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng. Đến thời điểm Tòa thụ lý giải quyết các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Đ và bà B là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung là Phan Thị H (nữ), sinh ngày 20/6/1995 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà B khai thống nhất không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Bùi Văn Đ thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Văn Đ đối với Bà Phan Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Ông Bùi Văn Đ và Bà Phan Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Thị H (nữ), sinh ngày 20/6/1995 đã trưởng thành nên đặt ra không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông Bùi Văn Đ thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

5. Ông Bùi Văn Đ và Bà Phan Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đô